

Số: /2023/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

**DỰ THẢO LẦN 1**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức đóng góp, chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy  
cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập;  
tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ .....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của  
Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật  
Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma  
túy;*

*Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính về quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ  
ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai  
nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng  
đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-VHXH ngày tháng năm  
2023 của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của  
đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định mức đóng góp, chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập; người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn vốn sự nghiệp, nguồn kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ hỗ trợ cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

2. Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh.

## **Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nguồn ngân sách Nhà nước

a) Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp quản lý.

b) Kinh phí hỗ trợ thực hiện công tác cai nghiện ma túy ngoài công lập được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, quy trình lập, chấp hành dự toán và quyết toán thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư 62/2022/TT-BTC.

2. Từ nguồn đóng góp của người cai nghiện ma túy (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy).

3. Từ nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

## **Điều 4. Mức ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập**

1. Tiền ăn hàng tháng, tiền quần áo, đồ dùng sinh hoạt thiết yếu của học viên: Hỗ trợ 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 62/2022/TT-BTC, cụ thể :

- Tiền ăn: bằng 0,56 lần mức lương cơ sở/học viên/tháng.

- Tiền quần áo, đồ dùng sinh hoạt thiết yếu cá nhân: bằng 0,63 lần mức lương cơ sở/học viên/lần cai nghiện.

2. Hỗ trợ 100% tiền chỗ ở cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

3. Hỗ trợ 100% tiền thuốc điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập. Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

4. Hỗ trợ 100% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường cho các đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

**Điều 5. Mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập**

Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập (hoặc gia đình người nghiện ma túy) có trách nhiệm đóng góp chi phí trong thời gian thực hiện hợp đồng cai nghiện ma túy với cơ sở cai nghiện ma túy công lập, bao gồm các khoản sau:

1. Tiền ăn: bằng 0,44 mức lương cơ sở/tháng.
2. Tiền quần áo, đồ dùng sinh hoạt thiết yếu cá nhân: bằng 0,37 mức lương cơ sở/lần cai nghiện.
3. Tiền khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện: Mức thu theo giá dịch vụ khám, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.
4. Tiền thuốc điều trị bệnh thông thường: Mức thu theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp.
5. Tiền sinh hoạt văn hóa văn nghệ và thể dục thể thao: Mua dụng cụ thể thao, văn hóa, văn nghệ, mua sách báo, phục vụ vui chơi giải trí: 100.000 đồng/học viên/năm.
6. Tiền điện, nước, vệ sinh, môi trường:
  - a) Tiền điện, nước sinh hoạt, nước uống: 150.000 đồng/học viên/tháng
  - b) Tiền vệ sinh, môi trường: 60.000 đồng/học viên/tháng.
7. Tiền đóng góp cơ sở vật chất: 200.000 đồng/học viên/tháng.
8. Chi phí phục vụ, quản lý:
  - a) Chi hỗ trợ cho cán bộ tham gia công tác điều trị, quản lý, bảo vệ đối tượng cai nghiện tự nguyện: 400.000 đồng/học viên/tháng.
  - b) Chi tư vấn về tâm lý, xã hội và tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS: 50.000 đồng/buổi/học viên x 4 buổi/tháng = 200.000 đồng/học viên/tháng.
  - c) Chi văn phòng phẩm, công cụ dùng cho công tác quản lý học viên: 50.000 đồng/học viên/tháng.
  - d) Chi công tác lập và quản lý hồ sơ: 30.000 đồng/học viên/tháng.
  - đ) Chi công tác tuần tra ngoài giờ (ban đêm): 100.000 đồng/học viên/tháng.
  - e) Chi khác: phục vụ, hộ lý, tạp vụ: 70.000 đồng/học viên/tháng.

**Điều 6. Chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình và cộng đồng**

Chi hỗ trợ 01 (một) lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 (ba) giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23, Điều 24 của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP: Mức hỗ trợ bằng 01 (một) lần mức lương cơ sở hiện hành.

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về quy định mức đóng góp, chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X kỳ họp thứ chín thông qua ngày      tháng      năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày tháng      năm 2023./.

#### ***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB), Bộ LĐ-TB&XH;
- TTTU, TTHĐND, UBND, Đoàn ĐBQH, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**